

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013
đến ngày 30/06/2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ SOÁT XÉT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành phần Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên

Chức danh

Ông Đoàn Thành Đạt

Chủ tịch

Ông Trần Hoàng Huân

Thành viên

Ông Phan Văn Nghiệp

Thành viên

Ông Nguyễn Quốc Tín

Thành viên

Ông Lê Phú Cự

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Chức danh

Ông Trần Hoàng Huân

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Sơn

Kế toán trưởng

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Các hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 04 đến trang 33.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty, không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty.

6. Đơn vị soát xét

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty.

7. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các qui định hiện hành có liên quan.

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Tiền Giang, ngày 12 tháng 08 năm 2013

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



ĐOÀN THÀNH ĐẠT

Số: 67A/BCSX-2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 07 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được trình bày từ trang 04 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại ngày 30/06/2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

KT.Giám đốc

Phó Giám đốc



ĐINH TÂN TƯỜNG
Chứng chỉ KTV số: 0175/KTV

Kiểm toán viên



PHẠM ĐÔNG SƠN
Chứng chỉ KTV số: 1052/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013
 Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC,
 Bổ sung theo TT 244/2009/TT-BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.958.134.250	193.417.786.893
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(V.1)	12.756.633.638	35.736.337.211
1. Tiền	111		10.441.756.195	19.550.892.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.314.877.443	16.185.444.661
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.905.800.495	8.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(V.2)	5.905.800.495	8.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(V.3)	90.671.207.171	89.972.586.960
1. Phải thu khách hàng	131		58.424.722.256	79.284.050.220
2. Trả trước cho người bán	132		25.542.140.579	3.277.563.471
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		10.672.363.094	11.246.505.165
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3.968.018.758)	(3.835.531.896)
IV. Hàng tồn kho	140		58.990.273.949	58.303.545.671
1. Hàng tồn kho	141	(V.4)	58.990.273.949	58.303.545.671
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.634.218.997	1.405.317.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.918.348	64.250.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	60.000.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		80.063.829	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(V.5)	2.534.236.820	1.281.067.051

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.982.478.163	117.643.537.115
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.638.141.393	30.778.741.393
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	(V.6)	25.638.141.393	30.778.741.393
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.451.560.325	6.830.837.884
1. TSCĐ hữu hình	221	(V.7)	7.280.027.173	5.984.347.475
- Nguyên giá	222		12.307.268.370	10.387.552.447
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.027.241.197)	(4.403.204.972)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(V.8)	1.171.533.152	846.490.409
III. Bất động sản đầu tư	240	(V.9)	802.108.000	802.108.000
1. Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
2. Hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(V.10)	64.695.004.597	72.779.345.695
1. Đầu tư vào công ty con	251		72.519.345.695	72.519.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		260.000.000	260.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(8.084.341.098)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.395.663.848	6.452.504.143
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		456.351.047	79.701.774
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	(V.11)	7.939.312.801	6.372.802.369
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		278.940.612.413	311.061.324.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		138.719.159.983	158.488.342.716
I. Nợ ngắn hạn	310	(V.12)	129.163.359.983	133.461.633.961
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		4.936.575.200	6.486.471.086
2. Phải trả cho người bán	312		29.064.545.284	40.222.343.742
3. Người mua trả tiền trước	313		35.689.231.922	19.310.179.222
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		3.324.156.376	6.398.638.466
5. Phải trả người lao động	315		1.102.509.431	3.041.149.865
6. Chi phí phải trả	316		48.613.777.824	47.579.649.705
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.658.514.992	6.695.681.922
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		299.584.821	307.044.673
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.474.464.133	3.420.475.280
II. Nợ dài hạn	330		9.555.800.000	25.026.708.755
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(V.13)	9.555.800.000	25.026.708.755
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.221.452.430	152.572.981.292
I. Vốn chủ sở hữu	410	(V.14)	140.221.452.430	152.572.981.292
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		40.724.043.436	36.724.043.436
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.091.667.202	6.272.578.035
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.705.741.792	18.876.359.821
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		278.940.612.413	311.061.324.008
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại			-	-
USD		(V.1)	408,97	408,75
EUR		(V.1)	3.395,49	3.394,79
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Tiền Giang, ngày 26 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(VI.1)	57.211.412.613	90.495.469.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(VI.1)	307.940.545	579.581.868
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(VI.1)	56.903.472.068	89.915.887.947
4. Giá vốn hàng bán	11	(VI.2)	46.048.976.460	70.287.400.444
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.854.495.608	19.628.487.503
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(VI.1)	3.323.631.557	2.197.253.530
7. Chi phí tài chính	22	(VI.3)	8.832.185.976	1.247.068.008
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		747.844.878	610.313.430
8. Chi phí bán hàng	24	(VI.4)	1.150.557.708	894.288.938
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(VI.5)	5.551.127.045	7.252.694.775
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.355.743.564)	12.431.689.312
11. Thu nhập khác	31	(VI.1)	2.414.693.331	1.531.441.140
12. Chi phí khác	32	(VI.6)	57.192.714	124.871.720
13. Lợi nhuận khác	40		2.357.500.617	1.406.569.420
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.001.757.053	13.838.258.732
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.326.553.888	7.980.565.857
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(VI.7)	(1.566.510.432)	(3.011.554.721)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.241.713.597	8.869.247.596
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	(VI.8)	155	1.109

Tiền Giang, ngày 26 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.001.757.053	13.838.258.732
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	941.744.621	482.766.058
Các khoản dự phòng	03	8.236.090.612	2.344.193.758
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(849.126)	-
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(3.322.782.431)	(2.197.253.530)
Chi phí lãi vay	06	747.844.878	610.313.430
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.603.805.607	15.078.278.448
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.341.503.559	4.631.357.645
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	206.027.869	26.032.982.983
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(6.414.388.301)	(28.308.804.217)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(253.501.279)	9.461.187
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.639.305.390)	(610.313.430)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(529.661.382)	(1.419.189.619)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.353.893.703	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.292.837.504)	(182.707.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	375.536.882	15.231.065.747
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.538.064.819)	(64.797.313)
Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.094.199.505	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.708.580.374	639.932.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.264.715.060	575.135.203
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.144.823.235	6.580.646.589
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(23.025.427.876)	(8.925.240.334)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.140.200.000)	(962.800.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.600.000.000)	(11.199.972.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.620.804.641)	(14.507.365.745)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(22.980.552.699)	1.298.835.205
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.736.337.211	10.501.116.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	849.126	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.756.633.638	11.799.951.769

Tiền Giang, ngày 26 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯỢNG

NGUYỄN HOÀNG SƠN

TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa, Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng TICCO có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại 166 đường Ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2013 là 90 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

3. Cấu trúc tập đoàn

3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ	90 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCÔ An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	72,60%	72,60%

3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20,00%	20,00%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Không có chuẩn mực kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Tiền và tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

6. Bất động sản đầu tư

Bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty, được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung - Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

9. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

12. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thanh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nối dài được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết và công chứng đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư đường Trương Định nối dài

Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư đường Trương Định nối dài được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính đến 30/06/2013 của toàn bộ công trình chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của Khu dân cư đường Trương Định nối dài, chi tiết như sau:

Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư đường Trương Định nối dài dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến thời điểm 30/06/2013 là 148.052.112.407 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 30/06/2013 là 108.726.581.645 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 70.967,52 m²

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong 6 tháng đầu năm 2013 là 6.460,50 m².

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2013	01/01/2013
Tiền mặt tại quỹ	151.095.072	115.514.309
Tiền gửi ngân hàng	10.290.661.123	19.435.378.241
+ Tiền gửi VND	10.188.682.969	19.334.300.318
+ Tiền gửi USD	8.649.716 (1.1)	8.502.000
+ Tiền gửi EUR	93.328.438 (1.2)	92.575.923
Các khoản tương đương tiền	2.314.877.443 (1.3)	16.185.444.661
Cộng	12.756.633.638	35.736.337.211

(1.1) Tương đương 408,97 USD.

(1.2) Tương đương 3.395,49 EUR.

(1.3) Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Cho Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Cho Công ty CP Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang vay	905.800.495	3.000.000.000
Cộng	5.905.800.495	8.000.000.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng	58.424.722.256 (3.1)	79.284.050.220
Trả trước cho người bán	25.542.140.579 (3.2)	3.277.563.471
Các khoản phải thu khác	10.672.363.094 (3.3)	11.246.505.165
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(3.968.018.758) (3.4)	(3.835.531.896)
Cộng	90.671.207.171	89.972.586.960

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(3.1) Bao gồm phải thu các khách hàng sau:

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	6.932.379.252
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	4.024.159.858
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	24.559.675
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 9	2.475.314.834
Khách hàng mua đất KDC Long Thạnh Hưng	3.045.267.415
Ban Quản lý Dự Án Cải tạo kênh Ba Bò	289.366.513
Khách hàng mua đất KDC Mỹ Thạnh Hưng	815.875.000
Khách hàng mua đất KDC đường Trương Định nổi dài	15.719.482.853
Ban Quản lý DA ĐT và xây dựng chuyên ngành NN Long An	565.975.000
Ban Quản lý DA XD CT GT Đồng Tháp	150.077.000
Ban Quản lý DA XD CT ngành NN Đồng Tháp	411.220.600
Sở Nông Nghiệp & PTNT Trà Vinh	2.538.002.000
BQL Các DA ĐT và Xây dựng chuyên ngành NN Kiên Giang	7.618.676.000
Bê tông thương phẩm (nhiều đối tượng)	1.533.769.863
Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Tiền Giang	2.750.490.000
TT Quản lý Khai thác CTTL Long An	1.654.747.000
Công ty TNHH XD Minh Kiều	642.276.000
Công ty TNHH XD TM Hiệp Hương	593.659.675
Công ty TNHH Nam Sông Tiền	783.595.000
Ban Quản lý các DA XD CT GT Tiền Giang	409.704.000
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 10	3.094.000.000
Các khách hàng khác	2.352.124.718
Cộng	58.424.722.256

(3.2) Bao gồm trả trước cho các nhà cung cấp sau:

Công ty Sagel	115.496.500
XNTVTK-Công ty CP Đ.Ô.T.Bình - Sông Đốc	165.588.000
BBT Hỗ trợ & TĐC TX Gò Công	865.851.054
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	13.777.256.653
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	5.224.720.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 43	4.443.000.000
Công ty Điện Nước Thiên Việt - Bình Lợi	209.000.000
Các nhà cung cấp khác	741.228.372
Cộng	25.542.140.579

(3.3) Bao gồm các khoản phải thu khác sau:

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.116.664.903
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	203.649.655
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	8.210.617.055
Sở Tài chính tỉnh An Giang	416.416.000
Tiền lương chi vượt	469.400.591

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thù lao Hội đồng Quản trị	131.611.268
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	12.521.432
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	10.447.955
Phải thu bảo hiểm	13.907.294
Ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư Thị xã Gò Công	13.316.702
Các khoản phải thu khác	73.810.239
Cộng	10.672.363.094

(3.4) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập theo các tỷ lệ:

Tuổi nợ	Số dư ngày 30/06/2013	Tỷ lệ trích lập	Mức dự phòng đã trích lập
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	302.908.540	30%	90.872.562
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	737.222.750	50%	368.611.375
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	869.211.568	70%	608.448.098
Quá hạn trên 3 năm	2.900.086.723	100%	2.900.086.723
Cộng	4.809.429.581		3.968.018.758

4. Hàng tồn kho

	30/06/2013	01/01/2013
Nguyên vật liệu	433.095.365	135.691.517
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.114.263.050 (*)	57.309.083.881
Hàng hóa	1.442.915.534	858.770.273
Cộng	58.990.273.949	58.303.545.671

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình sau:

Khu dân cư Long Thạnh Hưng	19.252.633.189
Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	538.593.105
Khu dân cư đường Trương Định nối dài	22.358.925.877
Công trình khu nhà vườn huyện Tân Phước	2.484.643.908
Công trình khu biệt thự mẫu Long Thạnh Hưng	1.324.253.159
Khu dân cư Sông Đốc	31.468.000
Công trình Cống Sơn Đốc 2	1.558.706.364
Cửa công Định Trung	2.227.890.971
Công trình Cửa van cống Thống Nhất 1, 2, Le Le	2.023.788.288
Công trình Cống Tham Trơi	1.614.258.871
Công trình Cống Tân Quy	1.477.332.514
Các công trình khác	2.221.768.804
Cộng	57.114.263.050

5. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000	41.000.000
Tạm ứng	2.493.236.820	1.240.067.051
Cộng	2.534.236.820	1.281.067.051

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ	25.638.141.393 (*)	30.778.741.393
Cộng	25.638.141.393	30.778.741.393

(*) Bao gồm:

Khoản vay để xây nhà máy bê tông	3.393.492.470
Phải thu tiền thanh lý tài sản	5.244.648.923
Lợi nhuận các năm công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ	17.000.000.000
Cộng	25.638.141.393

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	01/01/2013	Tăng	Giảm	30/06/2013
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.114.827.697	-	24.669.061	3.090.158.636
Máy móc, thiết bị	3.335.654.746	2.316.240.661	195.046.398	5.456.849.009
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.432.748.907	-	-	3.432.748.907
Thiết bị quản lý	504.321.097	-	176.809.279	327.511.818
Cộng	10.387.552.447	2.316.240.661	396.524.738	12.307.268.370
Giá trị hao mòn lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.411.514.289	184.328.468	24.669.061	1.571.173.696
Máy móc, thiết bị	859.920.382	506.755.586	164.399.791	1.202.276.177
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.833.638.485	197.813.521	-	2.031.452.006
Thiết bị quản lý	298.131.816	52.847.046	128.639.544	222.339.318
Cộng	4.403.204.972	941.744.621	317.708.396	5.027.241.197
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.703.313.408			1.518.984.940
Máy móc, thiết bị	2.475.734.364			4.254.572.832
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.599.110.422			1.401.296.901
Thiết bị quản lý	206.189.281			105.172.500
Cộng	5.984.347.475			7.280.027.173

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đến ngày 30/06/2013 đã thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty trị giá 4.621.645.189 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đến ngày 30/06/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 919.857.017 đồng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013	01/01/2013
Mua sắm tài sản cố định	1.171.533.152	846.490.409
Cộng	1.171.533.152	846.490.409

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)

Chỉ tiêu	01/01/2013	Tăng	Giảm	30/06/2013
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2013		01/01/2013
Đầu tư vào công ty con	72.519.345.695	(10.1)	72.519.345.695
Đầu tư vào công ty liên kết	260.000.000	(10.2)	260.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(8.084.341.098)	(10.3)	-
Cộng	64.695.004.597		72.779.345.695

(10.1) Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	38.000.000.000	100,00%	100,00%	Sản xuất kinh doanh bê tông
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOC	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20.000.000.000	100,00%	100,00%	Thi công công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCOC An Giang	Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	14.519.345.695	72,60%	72,60%	Thi công công trình
Cộng		72.519.345.695			

(10.2) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Testco	KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	260.000.000	20,00%	20,00%	Kiểm định, thử nghiệm chất lượng công trình

(10.3) Khoản dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOC.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
Số dư đầu kỳ	6.372.802.369	5.441.140.595
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	1.566.510.432	931.661.774
Số dư cuối kỳ	7.939.312.801	6.372.802.369

12. Nợ ngắn hạn

	30/06/2013		01/01/2013
Vay và nợ ngắn hạn	4.936.575.200	(12.1)	6.486.471.086
Phải trả người bán	29.064.545.284	(12.2)	40.222.343.742
Người mua trả tiền trước	35.689.231.922	(12.3)	19.310.179.222
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.324.156.376	(12.4)	6.398.638.466

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	30/06/2013	01/01/2013
Phải trả người lao động	1.102.509.431	3.041.149.865
Chi phí phải trả	48.613.777.824 (12.5)	47.579.649.705
Phải trả, phải nộp khác	3.658.514.992 (12.6)	6.695.681.922
Dự phòng phải trả ngắn hạn	299.584.821 (12.7)	307.044.673
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.474.464.133	3.420.475.280
Cộng	129.163.359.983	133.461.633.961

(12.1) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 14/03/2013:

- Hạn mức tín dụng tối đa: 5.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công sửa chữa thiết bị cơ khí;
- Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
- Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2013/HĐ ngày 10/06/2013 - tài sản thế chấp theo giá trị định giá của ngân hàng là 2.150.877.273 đồng theo Biên bản định giá ngày 22/10/2012 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2013/HĐ ngày 10/06/2013 - thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P.9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Số dư tại ngày 30/06/2013 theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể sau:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền vay	Thời hạn vay (tháng)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Số dư tại ngày 30/06/2013
1	03/2013/HĐ	17/04/2013	331.200.000	6	17/10/2013	10,5%	331.200.000
2	04/2013/HĐ	18/04/2013	347.898.480	6	18/10/2013	10,5%	347.898.480
3	05/2013/HĐ	23/04/2013	475.360.000	6	23/10/2013	10,5%	475.360.000
4	06/2013/HĐ	14/05/2013	194.157.000	6	14/11/2013	10,0%	194.157.000
5	07/2013/HĐ	20/05/2013	374.578.243	6	20/11/2013	9,5%	374.578.243
6	08/2013/HĐ	30/05/2013	231.050.000	6	30/11/2013	9,5%	231.050.000
7	09/2013/HĐ	03/06/2013	173.811.853	6	03/12/2013	9,5%	173.811.853
8	10/2013/HĐ	11/06/2013	226.827.901	6	11/12/2013	8,0%	226.827.901
9	11/2013/HĐ	12/06/2013	75.363.000	6	12/12/2013	9,5%	75.363.000
10	12/2013/HĐ	17/06/2013	1.977.489.213	6	17/12/2013	8,0%	1.977.489.213
11	13/2013/HĐ	19/06/2013	131.442.000	6	19/12/2013	8,0%	131.442.000
12	14/2013/HĐ	24/06/2013	176.597.510	6	24/12/2013	8,0%	176.597.510
13	15/2013/HĐ	25/06/2013	220.800.000	6	25/12/2013	8,0%	220.800.000
Tổng			4.936.575.200				4.936.575.200

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(12.2) Bao gồm khoản phải trả cho các nhà cung cấp sau:	
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp 276	633.832.000
Công ty TNHH KD & DV Tường An	562.448.880
Công ty CP Công nghệ CN Intec	850.853.333
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	25.427.109.716
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	113.699.731
Công ty CP ĐT XD TL Lâm Đồng	269.500.446
Công ty TNHH XD Hữu Quế	199.998.718
Công ty Nạo vét Đường thủy 2	182.461.000
Công ty TNHH Hòa Điền	108.564.000
Các nhà cung cấp khác	716.077.460
Cộng	29.064.545.284
(12.3) Bao gồm khoản người mua trả tiền trước sau:	
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Trương Định nổi dài	723.112.500
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thủy lợi 10	17.480.000.000
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Long Thanh Hưng	1.416.286.500
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Sóc Trăng	3.010.000.000
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Cà Mau	1.997.000.000
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn An Giang	4.719.111.000
Ban Quản lý dự án huyện Gò Công Tây	2.007.000.000
Ban Quản lý dự án ngành NN Tiền Giang	2.012.000.000
Công ty CP Cơ khí và xây lắp 276	2.288.170.000
Các khách hàng khác	36.551.922
Cộng	35.689.231.922
(12.4) Bao gồm:	
Thuế thu nhập cá nhân	514.459.616
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.727.399.033
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.082.297.727
Cộng	3.324.156.376
(12.5) Bao gồm các khoản chi phí trích trước sau:	
KDC Long Thanh Hưng	13.195.678.631
Kinh phí nghiệm thu công trình Bình Lợi	509.090.909
Chi phí ước tính KDC Trương Định giai đoạn 2	34.550.484.995
Kinh phí nghiệm thu khu neo đậu tránh trú bão	133.244.385
Các khoản chi phí phải trả khác	225.278.904
Cộng	48.613.777.824
(12.6) Bao gồm các khoản phải trả sau:	
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	1.900.423.465
Hoán đổi nền đất dự án Khu dân cư đường Trương Định nổi dài	258.999.998
Hoa hồng bán hàng	623.821.949

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Cổ phần Testco	13.186.591
Lãi góp vốn Khu dân cư đường Trương Định nổi dài	249.580.837
Thuế giá trị gia tăng đầu ra chưa kê khai	272.386.364
Phải trả về cổ phần hóa	167.790.020
Kinh phí công đoàn	53.497.383
Bảo hiểm xã hội	7.048.916
Thuế thu nhập cá nhân	65.320.658
Các khoản phải trả khác	46.458.811
Cộng	3.658.514.992

(12.7) Dự phòng chi phí bảo hành công trình như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
Số dư đầu kỳ	307.044.673	399.974.586
Trích lập trong kỳ	69.748.475	111.976.766
Sử dụng trong kỳ	(26.722.504)	(60.224.370)
Hoàn nhập trong kỳ	(50.485.823)	(144.682.309)
Số dư cuối kỳ	299.584.821	307.044.673

13. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Vay dài hạn	9.555.800.000 (*)	23.886.508.755
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	1.140.200.000
Cộng	9.555.800.000	25.026.708.755

(*) Bao gồm các khoản vay tại các ngân hàng theo các hợp đồng sau:

- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 29/08/2012
 - Hạn mức vay: 828.545.200 đồng.
 - Mục đích vay: Mua máy cắt thép và máy chân tole.
 - Thời hạn vay: 60 tháng.
 - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.
 - Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2012/HĐ ngày 29/08/2012.
 - **Số dư tại ngày 30/06/2013 là 332.800.000 đồng.**
- ❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013
 - Hạn mức vay: 840.000.000 đồng.
 - Mục đích vay: Mua máy đào Kobelco.
 - Thời hạn vay: 60 tháng.
 - Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.
 - Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 11/04/2013. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐ ngày 11/04/2013.

– **Số dư tại ngày 30/06/2013 là 827.000.000 đồng.**

❖ Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013

– Hạn mức vay: 560.000.000 đồng.

– Mục đích vay: Mua máy chần tole Komatsu.

– Thời hạn vay: 60 tháng.

– Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.

– Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 11/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2013/HĐ ngày 10/06/2013. Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2013/HĐ ngày 11/04/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2013/HĐ ngày 10/06/2013.

– **Số dư tại ngày 30/06/2013 là 560.000.000 đồng.**

❖ Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TD.1079.10/HĐTD ngày 09/03/2011 và phụ lục Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số TD.1079.10/PLHĐTD ngày 22/02/2012

– Hạn mức vay: 31.000.000.000 đồng.

– Mục đích vay: Bổ sung vốn bồi thường, hỗ trợ dự án Khu dân cư đường Trương Định nối dài.

– Thời hạn vay: 36 tháng.

– Lãi suất: lãi suất chi phí vốn theo thỏa thuận của Ngân hàng + 4%/năm.

– Khoản tín dụng được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1079.10.02/HĐTC ngày 01/04/2013: Giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu phố 3, phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 5.969,4 m² có trị giá 14.900.000.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 01/04/2013.

– **Số dư tại ngày 30/06/2013 là 7.836.000.000 đồng.**

14. Vốn chủ sở hữu

(14.1) Tình hình vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2012	80.000.000.000	10.700.000.000	31.751.323.436	5.325.419.385	21.536.052.426
Tăng trong năm trước	-	-	5.000.000.000	947.158.650	16.381.783.345
Giảm trong năm trước	-	-	27.280.000	-	19.041.475.950
Số dư tại ngày 31/12/2012	80.000.000.000	10.700.000.000	36.724.043.436	6.272.578.035	18.876.359.821

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2013	80.000.000.000	10.700.000.000	36.724.043.436	6.272.578.035	18.876.359.821
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.241.713.597
Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	44.935.876
Trích lập quỹ	-	-	4.000.000.000	819.089.167	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	18.457.267.502
Số dư tại ngày 30/06/2013	80.000.000.000	10.700.000.000	40.724.043.436	7.091.667.202	1.705.741.792

(14.2) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 80.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

(14.3) Cổ phiếu

	30/06/2013	30/06/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

(14.4) Phân phối lợi nhuận:

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Số 01/NQ.ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2013, cụ thể như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	819.089.167
- Trích quỹ đầu tư phát triển	4.000.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	1.638.178.335
- Chia cổ tức năm 2012 (15%)	12.000.000.000
Cộng	18.457.267.502

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1.1. Tổng doanh thu	57.211.412.613	90.495.469.815
- Doanh thu xây dựng	20.839.178.047	17.545.992.476
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	20.524.540.909	66.247.174.383

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	8.703.606.659	3.402.001.279
- Doanh thu gia công cơ khí	7.144.086.998	3.300.301.677
Các khoản giảm trừ doanh thu	307.940.545	579.581.868
- Giảm giá hàng bán	194.049.636	242.081.868
- Hàng bán bị trả lại	113.890.909	337.500.000
Doanh thu thuần	56.903.472.068	89.915.887.947
- Doanh thu xây dựng	20.645.128.411	17.309.610.608
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	20.524.540.909	65.909.674.383
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	8.589.715.750	3.402.001.279
- Doanh thu gia công cơ khí	7.144.086.998	3.294.601.677
1.2. Doanh thu hoạt động tài chính	3.323.631.557	2.197.253.530
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	780.824.804	388.102.868
- Lãi cho vay	347.002.161	245.454.546
- Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	18.816.602	6.375.102
- Cổ tức, lợi tức được chia từ các công ty con	2.176.138.864	1.557.321.014
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	849.126	-
1.3. Thu nhập khác	2.414.693.331	1.531.441.140
- Thu nhập từ xử lý công nợ	2.337.882.363	-
- Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	76.810.968	146.756.628
- Thu nhập khác	-	1.384.684.512
2. Giá vốn hàng bán		
	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Giá vốn xây dựng	19.320.013.982	17.144.884.444
Giá vốn kinh doanh bất động sản	13.477.862.798	48.293.969.458
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	7.404.128.233	2.687.654.118
Giá vốn dịch vụ	5.846.971.447	2.160.892.424
Cộng	46.048.976.460	70.287.400.444
3. Chi phí tài chính		
	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Chi phí lãi vay	747.844.878	610.313.430
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	8.084.341.098	636.754.578
Cộng	8.832.185.976	1.247.068.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Chi phí nhân viên	529.549.046	391.898.753
Chi phí vật liệu, bao bì	438.946.118	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	5.146.362
Chi phí khấu hao TSCĐ	69.307.436	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.474.108	33.887.724
Chi phí bằng tiền khác	91.281.000	463.356.099
Cộng	1.150.557.708	894.288.938

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Chi phí nhân viên quản lý	2.132.897.179	2.557.567.863
Chi phí vật liệu quản lý	166.874.796	219.117.343
Chi phí đồ dùng văn phòng	188.529.011	195.507.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	354.257.268	426.609.974
Thuế, phí và lệ phí	152.959.657	101.461.486
Chi phí dự phòng	132.486.862	1.897.883.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	298.711.608	213.727.375
Chi phí bằng tiền khác	2.124.410.664	1.640.819.186
Cộng	5.551.127.045	7.252.694.775

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	120.834.600
Chi tiền phạt	57.056.714	-
Chi phí khác	136.000	4.037.120
Cộng	57.192.714	124.871.720

7. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.666.781.488	3.632.052.303
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(100.271.056)	(620.497.582)
Cộng	1.566.510.432	3.011.554.721

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.241.713.597	8.869.247.596
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	1.241.713.597	8.869.247.596
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	155	1.109

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	38.448.844.697	21.344.764.655
Chi phí nhân công	5.459.724.808	4.349.703.728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	931.550.139	482.766.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.578.968.550	4.270.072.899
Chi phí bằng tiền khác	3.329.371.970	5.995.929.011
Cộng	49.748.460.164	36.443.236.351

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các bên liên quan

1.1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
BÁN			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Lãi cho vay	251.250.000
		Bán vật liệu xây dựng	2.991.330.290
		Lợi nhuận được chia	2.176.138.864
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Gia công cơ khí	982.255.610
		Bán vật liệu xây dựng	2.102.224.454
		Điện năng	14.370.888
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Lãi cho vay	95.752.161
MUA			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Mua bê tông đúc sẵn	265.744.907
		Thuê cần cẩu	68.511.818
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	19.046.440.797
		Ca máy	33.788.690

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCÔ An Giang	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	473.244.818

1.2. Chi tiết số dư tại ngày 30/06/2013 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/06/2013
PHẢI THU			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ	Công ty con	Phải thu ngắn hạn khác	8.210.617.055
		Phải thu dài hạn khác	25.638.141.393
		Cho vay ngắn hạn	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ	Công ty con	Phải thu khách hàng	4.024.159.858
		Phải thu ngắn hạn khác	1.116.664.903
		Trả trước cho người bán	13.777.256.653
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCÔ An Giang	Công ty con	Phải thu khách hàng	24.559.675
		Phải thu khác	203.649.655
		Cho vay ngắn hạn	905.800.495
PHẢI TRẢ			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCÔ	Công ty con	Phải trả người bán	113.699.731
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCÔ	Công ty con	Phải trả người bán	25.427.109.716

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh khoản 12 và 13 mục V trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.13.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ	30/06/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.756.633.638	35.736.337.211
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.905.800.495	8.000.000.000
Phải thu khách hàng	54.456.703.498	75.448.518.324
Phải thu khác	10.966.322.883	11.243.967.471
Cộng	84.085.460.514	130.428.823.006

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị ghi sổ	30/06/2013	31/12/2012
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	4.936.575.200	6.486.471.086
Phải trả người bán	29.064.545.284	40.222.343.742
Phải trả khác	3.032.826.249	5.134.086.974
Chi phí phải trả	48.613.777.824	47.579.649.705
Vay và nợ dài hạn	9.555.800.000	25.026.708.755
Cộng	95.203.524.557	124.449.260.262

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không chịu các rủi ro liên quan đến sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn	4.936.575.200	-	4.936.575.200
Phải trả người bán	29.064.545.284	-	29.064.545.284
Phải trả khác	3.032.826.249	-	3.032.826.249
Chi phí phải trả	48.613.777.824	-	48.613.777.824
Vay và nợ dài hạn	8.063.200.000	1.492.600.000	9.555.800.000
Cộng	93.710.924.557	1.492.600.000	95.203.524.557
31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Cộng
Vay và nợ ngắn hạn	6.486.471.086	-	6.486.471.086
Phải trả người bán	40.222.343.742	-	40.222.343.742
Phải trả khác	5.134.086.974	-	5.134.086.974
Chi phí phải trả	47.579.649.705	-	47.579.649.705
Vay và nợ dài hạn	25.026.708.755	-	25.026.708.755
Cộng	124.449.260.262	-	124.449.260.262

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.756.633.638	-	12.756.633.638
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.905.800.495	-	5.905.800.495
Phải thu khách hàng	54.456.703.498	-	54.456.703.498
Phải thu khác	10.966.322.883	-	10.966.322.883
Cộng	84.085.460.514	-	84.085.460.514
31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.736.337.211	-	35.736.337.211
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Phải thu khách hàng	75.448.518.324	-	75.448.518.324
Phải thu khác	11.243.967.471	-	11.243.967.471
Cộng	130.428.823.006	-	130.428.823.006

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán. Số liệu 6 tháng đầu năm 2013 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của 6 tháng đầu năm 2012 đã kiểm toán.

Tiền Giang, ngày 26 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN